

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN
HỌC PHẦN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN
Học kỳ 2, Năm học 2023-2024

Mẫu đề thi đáp ứng chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phục vụ đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI

(Phần dành cho giảng viên khi thiết kế đề thi và các cán bộ quản lý đào tạo)

I. Thông tin chung

Học phần: **Nguyên lý kế toán**

Số tín chỉ: 3

Mã học phần: **71ACCT20023**

Mã nhóm lớp học phần: 232_71ACCT20023_01 -> 14

Thời gian làm bài: **75 phút**

Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận

SV được tham khảo tài liệu:

Có chỉ được sử dụng tài liệu giấy

Không

Giảng viên nộp đề thi, đáp án

Lần 1

Lần 2

Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO (phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần) Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Vận dụng kiến thức tổng quan kế toán xử lý các tình huống có liên quan	Trắc nghiệm	30%	Câu 1,2,3,4,5,6,7,8,9	3	PI2.1
CLO 2	Vận dụng qui luật Nợ - Có để xác định sự biến động của các đối tượng kế toán trong từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh	Trắc nghiệm	40%	Câu 10,11,12,13, 14,15,16,17,18,19,20	4	PI2.1
CLO 3	Thực hiện từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn	Tự luận	30%	Câu tự luận	3	PI6.1

(Phần công bố cho sinh viên)

I. Thông tin chung

Học phần: Nguyên lý kế toán	Số tín chỉ: 3
Mã học phần: 71ACCT20023	Mã nhóm lớp học phần: 232_71ACCT20023_01 -> 14
Thời gian làm bài: 75 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> chỉ được sử dụng tài liệu giấy Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/>

II. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (7.0 điểm) bao gồm 20 câu, mỗi câu 0.35 điểm

Câu 1: (random 1 trong 3 câu)

Câu 1a:

Một số thông tin về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp trong tháng như sau: Bán ra 1.500 sản phẩm với đơn giá bán 100.000 đồng/sản phẩm, đơn giá vốn 55.000 đồng/sản phẩm, khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong tháng 10.000.000 đồng và chiết khấu thanh toán cho khách hàng 5.000.000 đồng. Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng bằng bao nhiêu?

- A. 140.000.000 đồng
B. 135.000.000 đồng
C. 145.000.000 đồng
D. 130.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 1b:

Một số thông tin về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp trong tháng như sau: Bán ra 1.500 sản phẩm với đơn giá bán 100.000 đồng/sản phẩm, đơn giá vốn 55.000 đồng/sản phẩm, khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong tháng 10.000.000 đồng và chiết khấu thanh toán cho khách hàng 5.000.000 đồng. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng bằng bao nhiêu?

- A. 57.500.000 đồng
B. 59.000.000 đồng
C. 65.000.000 đồng

D. 80.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 1c:

Một số thông tin về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp trong tháng như sau: Bán ra 1.500 sản phẩm với đơn giá bán 100.000 đồng/sản phẩm, đơn giá vốn 55.000 đồng/sản phẩm, khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong tháng 5.000.000 đồng và chiết khấu thanh toán cho khách hàng 10.000.000 đồng. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng bằng bao nhiêu?

A. 62.500.000 đồng

B. 65.000.000 đồng

C. 75.000.000 đồng

D. 73.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 2: (random 1 trong 3 câu)

Câu 2a:

Tài khoản “Thu nhập khác -711” được sử dụng để ghi nhận:

A. Một khoản thu được từ việc bán tòa nhà văn phòng của công ty

B. Một khoản cổ tức doanh nghiệp nhận được từ việc đầu tư vào công ty con

C. Một khoản lãi nhận được từ việc đầu tư chứng khoán

D. Một khoản thu được từ việc cung cấp hàng hóa cho khách hàng

ANSWER: A

Câu 2b:

Tài khoản “Doanh thu hoạt động tài chính -515” được sử dụng để ghi nhận:

A. Một khoản lãi nhận được từ khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng

B. Một khoản cổ tức doanh nghiệp phải chi trả cho nhà đầu tư

C. Một khoản thu được từ việc thanh lý một chiếc xe tải giao hàng không còn tiếp tục sử dụng

D. Một khoản thu được từ việc cung cấp hàng hóa cho khách hàng

ANSWER: A

Câu 2c:

Tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ -511” được sử dụng để ghi nhận:

- A. Một khoản thu được từ việc cung cấp hàng hóa cho khách hàng
- B. Một khoản cổ tức doanh nghiệp phải chi trả cho nhà đầu tư
- C. Một khoản thu được từ việc thanh lý một chiếc xe tải giao hàng không còn tiếp tục sử dụng
- D. Một khoản lãi thu được từ việc đầu tư chứng khoán

ANSWER: A

Câu 3: (random 1 trong 3 câu)

Câu 3a:

Tài khoản nào sau đây được xem là tài khoản thường xuyên và thuộc Bảng cân đối kế toán:

- A. Chi phí trả trước
- B. Chi phí tài chính
- C. Xác định kết quả kinh doanh
- D. Các khoản giảm trừ doanh thu

ANSWER: A

Câu 3b:

Tài khoản nào sau đây được xem là tài khoản tạm thời và thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- A. Chi phí khác
- B. Hao mòn tài sản cố định
- C. Chi phí trả trước
- D. Lợi nhuận chưa phân phối

ANSWER: A

Câu 3c:

Tài khoản nào sau đây được xem là tài khoản tạm thời và thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- A. Các khoản giảm trừ doanh thu
- B. Hao mòn tài sản cố định
- C. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

D. Lợi nhuận chưa phân phối

ANSWER: A

Câu 4: (random 1 trong 3 câu)

Câu 4a:

Đầu kỳ, tổng tài sản của công ty A là 2.000.000.000 đồng, tổng vốn chủ sở hữu bằng 1/2 tổng nguồn vốn. Trong kỳ, tổng tài sản tăng 600.000.000 đồng và nợ phải trả giảm 200.000.000 đồng. Hỏi tổng vốn chủ sở hữu cuối kỳ là bao nhiêu?

A. 1.800.000.000 đồng

B. 1.750.000.000 đồng

C. 1.150.000.000 đồng

D. 1.850.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 4b:

Đầu kỳ, tổng tài sản của công ty A là 1.500.000.000 đồng, tổng nợ phải trả chiếm 1/3 tổng nguồn vốn. Trong kỳ, tổng tài sản tăng 300.000.000 đồng và vốn chủ sở hữu tăng 100.000.000 đồng. Hỏi tổng vốn chủ sở hữu cuối kỳ là bao nhiêu?

A. 1.100.000.000 đồng

B. 880.000.000 đồng

C. 580.000.000 đồng

D. 1.500.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 4c:

Đầu kỳ, tổng tài sản của công ty A là 1.500.000.000 đồng, tổng vốn chủ sở hữu chiếm 2/3 tổng nguồn vốn. Trong kỳ, tổng tài sản giảm 100.000.000 đồng và nợ phải trả giảm 50.000.000 đồng. Hỏi tổng vốn chủ sở hữu cuối kỳ là bao nhiêu?

A. 950.000.000 đồng

B. 780.000.000 đồng

C. 630.000.000 đồng

D. 280.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 5: (random 1 trong 3 câu)

Câu 5a:

Nghiệp vụ “Công ty chuyển khoản thanh toán hóa đơn tiền điện tháng trước phát sinh

tại cửa hàng” sẽ làm cho:

- A. Tiền gửi ngân hàng giảm, phải trả người bán giảm
- B. Tiền gửi ngân hàng giảm, chi phí bán hàng tăng
- C. Tiền gửi ngân hàng giảm, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng
- D. Tiền gửi ngân hàng giảm, chi phí khác tăng

ANSWER: A

Câu 5b:

Nghiệp vụ “Công ty chuyển khoản thanh toán hóa đơn tiền điện tháng này phát sinh tại cửa hàng” sẽ làm cho:

- A. Tiền gửi ngân hàng giảm, chi phí bán hàng tăng
- B. Tiền gửi ngân hàng giảm, phải trả người bán giảm
- C. Tiền gửi ngân hàng giảm, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng
- D. Tiền gửi ngân hàng giảm, chi phí khác tăng

ANSWER: A

Câu 5c:

Nghiệp vụ “Công ty chuyển khoản thanh toán hóa đơn tiền điện tháng này phát sinh tại văn phòng công ty” sẽ làm cho:

- A. Tiền gửi ngân hàng giảm, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng
- B. Tiền gửi ngân hàng giảm, phải trả người bán giảm
- C. Tiền gửi ngân hàng giảm, chi phí bán hàng tăng
- D. Tiền gửi ngân hàng giảm, chi phí khác tăng

ANSWER: A

Câu 6: (random 1 trong 3 câu)

Câu 6a:

Nghiệp vụ “Chuyển khoản thanh toán tiền hàng cho người bán, biết lô hàng này đã nhập kho từ kỳ trước và có giá thanh toán 200.000.000 đồng” sẽ làm cho:

- A. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn cùng giảm 200.000.000 đồng
- B. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn cùng tăng 200.000.000 đồng
- C. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn không đổi
- D. Tổng tài sản tăng 200.000.000 đồng và tổng nguồn vốn giảm 200.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 6b:

Nghiệp vụ “Chuyển khoản thanh toán tiền hàng cho người bán, biết lô hàng trên đã nhập kho từ kỳ trước và có giá thanh toán 200.000.000 đồng” sẽ làm cho:

- A. Một khoản nợ phải trả giảm 200.000.000 đồng và một tài sản giảm 200.000.000 đồng
- B. Một khoản nợ phải trả tăng 200.000.000 đồng và một tài sản tăng 200.000.000 đồng
- C. Một khoản nợ phải trả giảm 200.000.000 đồng và một tài sản tăng 200.000.000 đồng
- D. Một khoản nợ phải trả tăng 200.000.000 đồng và một khoản nợ phải trả khác giảm 200.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 6c:

Nghiệp vụ “Mua lô hàng trị giá 200.000.000 đồng, đã chuyển khoản thanh toán cho người bán” sẽ làm cho:

- A. Một tài sản tăng 200.000.000 đồng và một tài sản giảm 200.000.000 đồng
- B. Một khoản nợ phải trả tăng 200.000.000 đồng và một tài sản giảm 200.000.000 đồng
- C. Một khoản nợ phải trả giảm 200.000.000 đồng và một tài sản tăng 200.000.000 đồng
- D. Một khoản nợ phải trả tăng 200.000.000 đồng và một khoản nợ phải trả khác giảm 200.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 7: (random 1 trong 3 câu)

Câu 7a:

Nếu trong kỳ kế toán, tổng tài sản tăng lên 35.000.000 đồng, tổng vốn chủ sở hữu giảm 10.000.000 đồng thì tổng nợ phải trả thay đổi như thế nào?

- A. Tăng 45.000.000 đồng
- B. Tăng 35.000.000 đồng
- C. Tăng 25.000.000 đồng
- D. Giảm 10.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 7b:

Nếu trong kỳ kế toán, tổng tài sản giảm 30.000.000 đồng, tổng nợ phải trả tăng 10.000.000 đồng thì tổng vốn chủ sở hữu thay đổi như thế nào?

- A. Giảm 40.000.000 đồng
- B. Tăng 45.000.000 đồng
- C. Giảm 25.000.000 đồng
- D. Tăng 25.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 7c:

Nếu trong kỳ kế toán, tổng tài sản giảm 20.000.000 đồng, tổng nợ phải trả giảm 10.000.000 đồng thì tổng vốn chủ sở hữu thay đổi như thế nào?

- A. Giảm 10.000.000 đồng
- B. Tăng 15.000.000 đồng
- C. Giảm 5.000.000 đồng
- D. Giảm 15.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 8: (random 1 trong 3 câu)

Câu 8a:

Thông tin về tình hình tài chính của công ty ABC tại ngày 31/12/N như sau: tiền mặt 50.000.000 đồng, tiền gửi ngân hàng 1.250.000.000 đồng, tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 700.000.000 đồng, hao mòn tài sản cố định 200.000.000 đồng, phải trả người bán 200.000.000 đồng, vốn góp chủ sở hữu 1.200.000.000 đồng, lợi nhuận chưa phân phối 400.000.000 đồng. Tổng tài sản của công ty ABC tại ngày 31/12/N bằng bao nhiêu?

- A. 1.800.000.000 đồng
- B. 1.850.000.000 đồng
- C. 1.910.000.000 đồng
- D. 2.150.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 8b:

Thông tin về tình hình tài chính của công ty ABC tại ngày 31/12/N như sau: tiền mặt 50.000.000 đồng, tiền gửi ngân hàng 1.250.000.000 đồng, tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 700.000.000 đồng, hao mòn tài sản cố định 200.000.000 đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi 200.000.000 đồng, vốn đầu tư chủ sở hữu 1.200.000.000 đồng, lợi nhuận chưa phân phối 400.000.000 đồng. Tổng nguồn vốn của công ty tại ngày 31/12/N bằng bao nhiêu?

- A. 1.800.000.000 đồng
- B. 1.950.000.000 đồng

C. 2.010.000.000 đồng

D. 2.130.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 8c:

Thông tin về tình hình tài chính của công ty ABC tại ngày 31/12/N như sau: tiền mặt 20.000.000 đồng, tiền gửi ngân hàng 850.000.000 đồng, tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 700.000.000 đồng, hao mòn tài sản cố định 200.000.000 đồng, tạm ứng 30.000.000 đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi 100.000.000 đồng, vốn đầu tư chủ sở hữu 1.200.000.000 đồng, lợi nhuận chưa phân phối 100.000.000 đồng. Tổng tài sản của công ty tại ngày 31/12/N bằng bao nhiêu?

A. 1.400.000.000 đồng

B. 1.450.000.000 đồng

C. 1.650.000.000 đồng

D. 1.800.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 9: (random 1 trong 3 câu)

Câu 9a:

Thông tin tình hình kinh doanh công ty ABC trong năm N như sau:

- Tổng doanh thu bán hàng: 1.950.000.000 đồng
- Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 535.000.000 đồng
- Tổng trị giá xuất kho của hàng hóa bán ra: 1.150.000.000 đồng
- Giảm giá hàng bán: 50.000.000 đồng
- Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 350.000.000 đồng
- Lãi từ tiền gửi tiết kiệm: 12.000.000 đồng
- Khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng: 25.000.000 đồng
- Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư: 30.000.000 đồng

Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty ABC trong năm N bằng bao nhiêu?

A. 750.000.000 đồng

B. 950.000.000 đồng

C. 1.150.000.000 đồng

D. 775.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 9b:

Thông tin tình hình kinh doanh công ty ABC trong năm N như sau:

- **Tổng doanh thu bán hàng: 1.950.000.000 đồng**
- **Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 535.000.000 đồng**
- **Tổng trị giá xuất kho của hàng hóa bán ra: 1.150.000.000 đồng**
- **Giảm giá hàng bán: 50.000.000 đồng**
- **Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 350.000.000 đồng**
- **Lãi từ tiền gửi tiết kiệm: 12.000.000 đồng**
- **Khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng: 50.000.000 đồng**
- **Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư: 30.000.000 đồng**

Chỉ tiêu “Lợi nhuận khác” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty ABC trong năm N bằng bao nhiêu?

- A. 50.000.000 đồng
- B. 75.000.000 đồng
- C. 65.000.000 đồng
- D. 35.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 9c:

Thông tin tình hình kinh doanh công ty ABC trong năm N như sau:

- **Tổng doanh thu bán hàng: 1.950.000.000 đồng**
- **Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 535.000.000 đồng**
- **Tổng trị giá xuất kho của hàng hóa bán ra: 1.150.000.000 đồng**
- **Giảm giá hàng bán: 50.000.000 đồng**
- **Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 350.000.000 đồng**
- **Lãi từ tiền gửi tiết kiệm: 20.000.000 đồng**
- **Khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng: 50.000.000 đồng**
- **Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư: 45.000.000 đồng**

Chỉ tiêu “Doanh thu hoạt động tài chính” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty ABC trong năm N bằng bao nhiêu?

- A. 65.000.000 đồng
- B. 75.000.000 đồng
- C. 60.000.000 đồng
- D. 35.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 10: (random 1 trong 3 câu)

Câu 10a:

Ngày 01/10/N, công ty xuất kho bán một lô hàng hóa với giá bán là 70.000.000 đồng, thu ngay 30.000.000 đồng bằng chuyển khoản, phần còn lại khách hàng chưa thanh toán. Biết rằng lô hàng này được công ty mua nhập kho với giá là 35.000.000 đồng. Kế toán ghi sổ nhật ký:

A.	Nợ TK 632	35.000.000	
	Có TK 156		35.000.000
	Nợ TK 112	30.000.000	
	Nợ TK 131	40.000.000	
	Có TK 511		70.000.000
B.	Nợ TK 632	35.000.000	
	Có TK 156		35.000.000
	Nợ TK 112	70.000.000	
	Có TK 511		70.000.000
C.	Nợ TK 632	35.000.000	
	Có TK 156		35.000.000
	Nợ TK 131	70.000.000	
	Có TK 511		70.000.000
D.	Nợ TK 112	70.000.000	
	Có TK 511		70.000.000

ANSWER: A

Câu 10b:

Ngày 01/01/N, công ty xuất kho bán một lô hàng hóa với giá bán là 70.000.000 đồng, thu ngay bằng tiền gửi ngân hàng. Biết rằng lô hàng này được công ty mua nhập kho với giá là 35.000.000 đồng. Kế toán ghi sổ nhật ký:

A.	Nợ TK 632	35.000.000	
	Có TK 156		35.000.000
	Nợ TK 112	70.000.000	
	Có TK 511		70.000.000
B.	Nợ TK 632	35.000.000	
	Có TK 156		35.000.000
	Nợ TK 131	70.000.000	
	Có TK 511		70.000.000

C.	Nợ TK 632	70.000.000	
	Có TK 156		70.000.000
	Nợ TK 112	35.000.000	
	Có TK 511		35.000.000
D.	Nợ TK 112	70.000.000	
	Có TK 511		70.000.000

ANSWER: A

Câu 10c:

Ngày 01/01/N, công ty xuất kho bán một lô hàng hóa với giá bán là 70.000.000 đồng, khách hàng chưa thanh toán. Biết rằng lô hàng này được công ty mua nhập kho với giá là 35.000.000 đồng. Kế toán ghi sổ nhật ký:

A.	Nợ TK 632	35.000.000	
	Có TK 156		35.000.000
	Nợ TK 131	70.000.000	
	Có TK 511		70.000.000
B.	Nợ TK 632	35.000.000	
	Có TK 156		35.000.000
	Nợ TK 112	70.000.000	
	Có TK 511		70.000.000
C.	Nợ TK 632	70.000.000	
	Có TK 156		70.000.000
	Nợ TK 112	35.000.000	
	Có TK 511		35.000.000
D.	Nợ TK 131	70.000.000	
	Có TK 511		70.000.000

ANSWER: A

Câu 11: (random 1 trong 3 câu)

Câu 11a:

Nghiệp vụ “Nhận được giấy báo Có của ngân hàng về khoản tiền khách hàng thanh toán tiền mua hàng từ tháng trước” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 112/Có TK 131
- B. Nợ TK 112/Có TK 511
- C. Nợ TK 112/Có TK 711
- D. Nợ TK 112/Có TK 515

ANSWER: A

Câu 11b:

Nghiệp vụ “Hoàn thành dịch vụ bảo trì mạng máy tính cho công ty khách hàng tháng

này và thu ngay tiền dịch vụ bằng chuyển khoản” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 112/Có TK 511
- B. Nợ TK 112/Có TK 515
- C. Nợ TK 112/Có TK 711
- D. Nợ TK 112/Có TK 131

ANSWER: A

Câu 11c:

Nghiệp vụ “Chuyển khoản trả lãi vay tháng này cho ngân hàng ACB” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 635/Có TK 112
- B. Nợ TK 641/Có TK 112
- C. Nợ TK 811/Có TK 112
- D. Nợ TK 642/Có TK 112

ANSWER: A

Câu 12: (random 1 trong 3 câu)

Câu 12a:

Trích thông tin trên sổ Cái của tài khoản “Hàng hóa” tại ngày 31/12/N của công ty ABC:

TK 156	
<u>SĐĐK: 250.000.000</u>	
(TK 112) 250.000.000	110.000.000 (TK 632)
(TK 331) 100.000.000	

Số dư cuối tháng 12/N của tài khoản “Hàng hóa” là:

- A. Dư Nợ 490.000.000
- B. Dư Có 490.000.000
- C. Dư Nợ 600.000.000
- D. Dư Có 600.000.000

ANSWER: A

Câu 12b:

Trích thông tin trên sổ Cái của tài khoản “Phải thu khách hàng” tại ngày 31/12/N của công ty ABC:

TK 131	
<u>SĐĐK: 250.000.000</u>	
(TK 511) 200.000.000	140.000.000 (TK 112)
	10.000.000 (TK 111)

Số dư cuối tháng 12/N của tài khoản “Phải thu khách hàng” là:

- A. Dư Nợ 300.000.000
- B. Dư Có 300.000.000
- C. Dư Nợ 450.000.000
- D. Dư Có 450.000.000

ANSWER: A

Câu 12c:

Trích thông tin trên sổ Cái của tài khoản “Công cụ, dụng cụ” ngày 31/12/N của công ty ABC:

TK 153	
<u>SĐĐK: 30.000.000</u>	
(TK 112) 32.000.000	12.000.000 (TK 242)
(TK 111) 6.000.000	500.000 (TK 641)

Số dư cuối tháng 12/N của tài khoản “Công cụ, dụng cụ” là:

- A. Dư Nợ 55.500.000
- B. Dư Có 55.500.000
- C. Dư Nợ 68.000.000
- D. Dư Có 68.000.000

ANSWER: A

Câu 13: (random 1 trong 3 câu)

Câu 13a:

Ngày 01/01/N, công ty ABC tạm ứng cho nhân viên kinh doanh 10.000.000 đồng bằng tiền gửi ngân hàng để đi mua hàng hóa. Kế toán ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 141 10.000.000
 Có TK 112 10.000.000
- B. Nợ TK 156 10.000.000
 Có TK 112 10.000.000
- C. Nợ TK 641 10.000.000
 Có TK 112 10.000.000
- D. Nợ TK 141 10.000.000
 Có TK 111 10.000.000

ANSWER: A

Câu 13b:

Ngày 01/01/N, công ty ABC chuyển khoản 10.000.000 đồng để thanh toán tiền mua lô văn phòng phẩm dùng cho công tác bán hàng từ tháng trước. Kế toán ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 331 10.000.000
 10.00
 Có TK 112 0.000
- B. Nợ TK 153 10.000.000
 Có TK 112 10.000.000
- C. Nợ TK 641 10.000.000
 Có TK 112 10.000.000
- D. Nợ TK 152 10.000.000
 Có TK 112 10.000.000

ANSWER: A

Câu 13c:

Ngày 01/10/N, công ty ABC chi tiền mặt 10.000.000 đồng để thanh toán tiền mua lô văn phòng phẩm sử dụng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp từ tháng trước. Kế toán ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 331 10.000.000
 Có TK 111 10.000.000
- B. Nợ TK 152 10.000.000
 Có TK 111 10.000.000
- C. Nợ TK 642 10.000.000

Có TK 111 10.000.000
D. Nợ TK 641 10.000.000
Có TK 111 10.000.000

ANSWER: A

Câu 14: (random 1 trong 3 câu)

Câu 14a:

Nghiệp vụ “Mua một lô hàng hóa chưa thanh toán cho người bán với giá 20.000.000 đồng, chi phí vận chuyển lô hàng này về nhập kho 1.000.000 đồng đã thanh toán bằng tiền mặt” được ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 156 21.000.000
Có TK 331 20.000.000
Có TK 111 1.000.000
B. Nợ TK 156 21.000.000
Có TK 331 21.000.000
C. Nợ TK 156 21.000.000
Có TK 111 21.000.000
D. Nợ TK 156 20.000.000
Có TK 331 20.000.000
Nợ TK 641 1.000.000
Có TK 111 1.000.000

ANSWER: A

Câu 14b:

Nghiệp vụ “Chuyển khoản mua một lô hàng hóa với giá mua 20.000.000 đồng, chi phí vận chuyển lô hàng này về nhập kho 1.000.000 đồng đã thanh toán bằng tiền mặt” được ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 156 21.000.000
Có TK 112 20.000.000
Có TK 111 1.000.000
B. Nợ TK 156 21.000.000
Có TK 112 21.000.000
C. Nợ TK 156 21.000.000
Có TK 111 21.000.000
D. Nợ TK 156 20.000.000
Có TK 112 20.000.000

Nợ TK 641 1.000.000
 Có TK 111 1.000.000

ANSWER: A

Câu 14c:

Nghiệp vụ “Chuyển khoản mua một lô công cụ dụng cụ với giá mua 20.000.000 đồng, chi phí vận chuyển lô công cụ về nhập kho 1.000.000 đồng đã thanh toán bằng tiền mặt” được ghi sổ nhật ký:

- A.** Nợ TK 153 21.000.000
 Có TK 112 20.000.000
 Có TK 111 1.000.000
- B.** Nợ TK 153 21.000.000
 Có TK 112 21.000.000
- C.** Nợ TK 153 21.000.000
 Có TK 111 21.000.000
- D.** Nợ TK 153 20.000.000
 Có TK 112 20.000.000
Nợ TK 641 1.000.000
 Có TK 111 1.000.000

ANSWER: A

Câu 15: (random 1 trong 3 câu)

Câu 15a:

Ngày 1/10/N, công ty ABC chuyển khoản 30.000.000 đồng thanh toán toàn bộ tiền hợp đồng thuê cửa hàng trong quý 4 năm N (hợp đồng có hiệu lực từ ngày 1/10/N đến hết 31/12/N). Biết công ty áp dụng kỳ kế toán tháng, bút toán điều chỉnh liên quan đến hợp đồng thuê trên tại ngày 31/10/N như sau:

- A.** Nợ TK 641 10.000.000
 Có TK 242 10.000.000
- B.** Nợ TK 641 10.000.000
 Có TK 112 10.000.000
- C.** Nợ TK 641 30.000.000
 Có TK 242 30.000.000
- D.** Nợ TK 641 30.000.000
 Có TK 112 30.000.000

ANSWER: A

Câu 15b:

Ngày 1/10/N, công ty ABC chuyển khoản 30.000.000 đồng thanh toán toàn bộ tiền hợp đồng thuê cửa hàng trong quý 4 năm N (hợp đồng có hiệu lực từ ngày 1/10/N đến hết 31/12/N). Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, kế toán ghi sổ nhật ký tại ngày 01/10/N như sau:

- A. Nợ TK 242 30.000.000
 Có TK 112 30.000.000
- B. Nợ TK 641 30.000.000
 Có TK 112 30.000.000
- C. Nợ TK 242 10.000.000
 Có TK 112 10.000.000
- D. Nợ TK 641 10.000.000
 Có TK 112 10.000.000

Câu 15c:

Ngày 1/10/N, công ty ABC chuyển khoản 30.000.000 đồng thanh toán toàn bộ tiền hợp đồng thuê cửa hàng trong quý 4 năm N (hợp đồng có hiệu lực từ ngày 1/10/N đến hết 31/12/N). Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh liên quan đến hợp đồng thuê trên tại ngày 31/12/N như sau:

- A. Nợ TK 641 30.000.000
 Có TK 242 30.000.000
- B. Nợ TK 641 30.000.000
 Có TK 112 30.000.000
- C. Nợ TK 641 10.000.000
 Có TK 242 10.000.000
- D. Nợ TK 641 10.000.000
 Có TK 112 10.000.000

ANSWER: A

Câu 16: (random 1 trong 3 câu)

Câu 16a:

Ngày 1/10/N, Công ty ABC mua một máy photocopy có nguyên giá 360.000.000 đồng về sử dụng tại văn phòng công ty, thời gian sử dụng ước tính 10 năm bắt đầu từ ngày 1/10/N. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán tháng, bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí khấu hao tại ngày 31/12/N là:

- A. Nợ TK 642 3.000.000

- Có TK 214 3.000.000
- B. Nợ TK 642 3.000.000**
- Có TK 242 3.000.000
- C. Nợ TK 642 36.000.000**
- Có TK 214 36.000.000
- D. Nợ TK 642 36.000.000**
- Có TK 242 36.000.000

ANSWER: A

Câu 16b:

Ngày 1/10/N, Công ty ABC mua một máy photocopy có nguyên giá 360.000.000 đồng về sử dụng tại văn phòng công ty, thời gian sử dụng ước tính 10 năm bắt đầu từ ngày 1/10/N. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí khấu hao tại ngày 31/12/N là:

- A. Nợ TK 642 9.000.000**
- Có TK 214 9.000.000
- B. Nợ TK 642 9.000.000**
- Có TK 242 9.000.000
- C. Nợ TK 642 36.000.000**
- Có TK 214 36.000.000
- D. Nợ TK 642 36.000.000**
- Có TK 242 36.000.000

ANSWER: A

Câu 16c:

Ngày 1/12/N, Công ty ABC mua một máy photocopy có nguyên giá 360.000.000 đồng về sử dụng tại văn phòng công ty, thời gian sử dụng ước tính 10 năm bắt đầu từ ngày 1/12/N. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí khấu hao tại ngày 31/12/N là:

- A. Nợ TK 642 3.000.000**
- Có TK 214 3.000.000
- B. Nợ TK 642 3.000.000**
- Có TK 242 3.000.000
- C. Nợ TK 642 36.000.000**
- Có TK 214 36.000.000
- D. Nợ TK 642 36.000.000**

Có TK 242 36.000.000

ANSWER: A

Câu 17: (random 1 trong 3 câu)

Câu 17a:

Kế toán sẽ ghi bên Có TK “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” khi:

A. Tổng doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ bằng 550.000.000 đồng, tổng chi phí kinh doanh trong kỳ bằng 400.000.000 đồng

B. Tổng doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ bằng 550.000.000 đồng, tổng chi phí kinh doanh trong kỳ bằng 600.000.000 đồng

C. Doanh thu bán hàng trong kỳ bằng 700.000.000 đồng, giá vốn hàng bán trong kỳ bằng 550.000.000 đồng

D. Doanh thu bán hàng trong kỳ bằng 550.000.000 đồng, giá vốn hàng bán trong kỳ bằng 700.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 17b:

Kế toán sẽ ghi bên Nợ TK “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” khi:

A. Tổng doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ bằng 800.000.000 đồng, tổng chi phí kinh doanh trong kỳ bằng 960.000.000 đồng

B. Tổng doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ bằng 800.000.000 đồng, tổng chi phí kinh doanh trong kỳ bằng 500.000.000 đồng

C. Doanh thu bán hàng trong kỳ bằng 700.000.000 đồng, giá vốn hàng bán trong kỳ bằng 650.000.000 đồng

D. Doanh thu bán hàng trong kỳ bằng 750.000.000 đồng, giá vốn hàng bán trong kỳ bằng 700.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 17c:

Kế toán sẽ ghi bên Có TK “Xác định kết quả kinh doanh” khi:

A. Tổng doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ bằng 400.000.000 đồng, tổng chi phí kinh doanh trong kỳ bằng 450.000.000 đồng

B. Tổng doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ bằng 450.000.000 đồng, tổng chi phí kinh doanh trong kỳ bằng 400.000.000 đồng

C. Doanh thu bán hàng trong kỳ bằng 500.000.000 đồng, giá vốn hàng bán trong kỳ bằng 650.000.000 đồng

D. Doanh thu bán hàng trong kỳ bằng 420.000.000 đồng, giá vốn hàng bán trong kỳ bằng 700.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 18: (random 1 trong 3 câu)

Câu 18a:

Thông tin tình hình kinh doanh công ty ABC trong năm N như sau:

- + Tổng doanh thu bán hàng: 2.250.000.000 đồng
- + Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 420.000.000 đồng
- + Tổng trị giá xuất kho của hàng hóa bán ra: 1.070.000.000 đồng
- + Giảm giá hàng bán: 10.000.000 đồng
- + Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 300.000.000 đồng
- + Lãi thu được từ hoạt động đầu tư chứng khoán: 20.000.000 đồng
- + Khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng: 25.000.000 đồng
- + Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư: 30.000.000 đồng

Bút toán khóa sổ các tài khoản doanh thu, thu nhập sẽ làm phát sinh:

- A. Bên Có TK 911: 2.315.000.000
- B. Bên Có TK 911: 2.325.000.000
- C. Bên Có TK 911: 2.225.000.000
- D. Bên Có TK 911: 2.150.000.000

ANSWER: A

Câu 18b:

Thông tin tình hình kinh doanh công ty ABC trong năm N như sau:

- + Tổng doanh thu bán hàng: 2.250.000.000 đồng
- + Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 420.000.000 đồng
- + Tổng trị giá xuất kho của hàng hóa bán ra: 1.070.000.000 đồng
- + Giảm giá hàng bán: 10.000.000 đồng
- + Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 300.000.000 đồng
- + Lãi thu được từ hoạt động đầu tư chứng khoán: 20.000.000 đồng
- + Khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng: 25.000.000 đồng
- + Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư: 30.000.000 đồng

Bút toán khóa sổ các tài khoản chi phí sẽ làm phát sinh:

- A. Bên Nợ TK 911: 1.790.000.000

B. Bên Nợ TK 911: 1.825.000.000

C. Bên Nợ TK 911: 1.625.000.000

D. Bên Nợ TK 911: 2.150.000.000

ANSWER: A

Câu 18c:

Thông tin tình hình kinh doanh công ty ABC trong năm N như sau:

- + Tổng doanh thu bán hàng: 2.250.000.000 đồng
- + Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 420.000.000 đồng
- + Tổng trị giá xuất kho của hàng hóa bán ra: 1.070.000.000 đồng
- + Giảm giá hàng bán: 10.000.000 đồng
- + Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 300.000.000 đồng
- + Lãi thu được từ hoạt động đầu tư chứng khoán: 20.000.000 đồng
- + Khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng: 25.000.000 đồng
- + Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư: 30.000.000 đồng

Bút toán khóa sổ tài khoản “xác định kết quả kinh doanh” sẽ làm phát sinh:

A. Bên Nợ TK 911: 525.000.000

B. Bên Nợ TK 911: 825.000.000

C. Bên Có TK 911: 525.000.000

D. Bên Có TK 911: 825.000.000

ANSWER: A

Câu 19: (random 1 trong 3 câu)

Câu 19a:

Công ty ABC mua một lô hàng hóa gồm 200 sản phẩm với giá niêm yết 1.500.000 đồng/sản phẩm. Khoản giảm giá được hưởng do mua với số lượng lớn là 2% trên giá mua. Chi phí vận chuyển hàng về nhập kho đã thanh toán bằng tiền mặt là 2.000.000 đồng. Tổng giá trị nhập kho của lô hàng hóa này là bao nhiêu?

A. 296.000.000 đồng

B. 294.000.000 đồng

C. 302.000.000 đồng

D. 300.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 19b:

Công ty ABC mua một lô hàng hóa gồm 180 sản phẩm với giá niêm yết 1.500.000 đồng/sản phẩm. Khoản giảm giá được hưởng do mua với số lượng lớn là 2% trên giá mua. Chi phí vận chuyển hàng về nhập kho đã thanh toán bằng tiền mặt là 2.000.000 đồng. Tổng giá trị nhập kho của lô hàng hóa này là bao nhiêu?

- A. 266.600.000 đồng
- B. 254.400.000 đồng
- C. 275.000.000 đồng
- D. 280.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 19c:

Công ty ABC mua một lô hàng hóa gồm 150 sản phẩm với giá niêm yết 2.000.000 đồng/sản phẩm. Khoản giảm giá được hưởng do mua với số lượng lớn là 1% trên giá mua. Chi phí vận chuyển hàng về nhập kho đã thanh toán bằng tiền mặt là 1.000.000 đồng. Tổng giá trị nhập kho của lô hàng hóa này là bao nhiêu?

- A. 298.000.000 đồng
- B. 299.000.000 đồng
- C. 302.000.000 đồng
- D. 300.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 20: (random 1 trong 3 câu)

Câu 20a:

Tại Công ty ABC có số liệu về một loại hàng hóa trong tháng 12/N như sau:

- Hàng tồn kho đầu tháng: 250 sản phẩm, đơn giá 110.000 đồng/sản phẩm
- Ngày 10/12, mua nhập kho 200 sản phẩm, đơn giá 105.000 đồng/sản phẩm
- Ngày 15/12, xuất kho bán 400 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 180.000 đồng/sản phẩm
- Ngày 22/12, mua nhập kho 50 sản phẩm, đơn giá 115.000 đồng/sản phẩm

Biết rằng doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Trị giá của hàng hóa tồn cuối tháng 12/N là:

- A. 11.000.000 đồng
- B. 11.250.000 đồng
- C. 10.700.000 đồng
- D. 10.950.000 đồng

ANSWER: A

Câu 20b:

Tại Công ty ABC có số liệu về một loại hàng hóa trong tháng 12/N như sau:

- Hàng tồn kho đầu tháng: 250 sản phẩm, đơn giá 110.000 đồng/sản phẩm
- Ngày 10/12, mua nhập kho 200 sản phẩm, đơn giá 105.000 đồng/sản phẩm
- Ngày 15/12, xuất kho bán 400 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 180.000 đồng/sản phẩm
- Ngày 22/12, mua nhập kho 50 sản phẩm, đơn giá 115.000 đồng/sản phẩm

Biết rằng doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Giá vốn hàng bán của lô hàng bán ra tại ngày 15/12 là:

- A. 43.250.000 đồng
- B. 44.250.000 đồng
- C. 45.750.000 đồng
- D. 41.950.000 đồng

ANSWER: A

Câu 20c:

Tại Công ty ABC có số liệu về một loại hàng hóa trong tháng 12/N như sau:

- Hàng tồn kho đầu tháng: 250 sản phẩm, đơn giá 110.000 đồng/sản phẩm
- Ngày 10/12, mua nhập kho 200 sản phẩm, đơn giá 105.000 đồng/sản phẩm
- Ngày 15/12, xuất kho bán 400 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 180.000 đồng/sản phẩm
- Ngày 22/12, mua nhập kho 60 sản phẩm, đơn giá 115.000 đồng/sản phẩm

Biết rằng doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Trị giá của hàng hóa tồn cuối tháng 12/N là:

- A. 12.150.000 đồng

B. 12.250.000 đồng

C. 11.700.000 đồng

D. 11.950.000 đồng

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (3.0 điểm) *(Random 1 trong 3 câu)*

Câu TL1:

Số dư một số tài khoản kế toán vào đầu tháng 12 năm N tại công ty TNHH ABC như sau:

TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
Tiền mặt	50.000.000
Tiền gửi ngân hàng	1.000.000.000
Hàng hóa	200.000.000 (<i>chi tiết 2.000 sản phẩm</i>)
Phải trả người bán	180.000.000 (nợ người bán A)
Phải thu khách hàng	90.000.000 (phải thu khách hàng B)

Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12 năm N như sau:

(1) Ngày 4, mua một lô công cụ dụng cụ nhập kho trị giá 15.000.000 đồng, chưa thanh toán tiền cho người bán X.

(2) Ngày 6, nhận được giấy báo Có của ngân hàng về việc khách hàng B chuyển khoản thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho công ty.

(3) Ngày 15, bán 300 sản phẩm hàng hóa hiện có trong kho cho khách hàng Y với tổng giá bán 60.000.000 đồng, thu ngay 50% tiền hàng bằng chuyển khoản, phần còn lại tháng sau khách hàng thanh toán.

(4) Ngày 22, công ty chuyển khoản thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho người bán A.

(5) Ngày 29, chi tiền mặt thanh toán hóa đơn tiền điện nước tháng này tại văn phòng công ty 4.000.000 đồng.

ĐÁP ÁN:

(1) NỢ TK 153	15.000.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 331	15.000.000	
(2) NỢ TK 112	90.000.000	
CÓ TK 131	90.000.000	(0.5 điểm)
(3) NỢ TK 112	30.000.000	
NỢ TK 131	30.000.000	
CÓ TK 511	60.000.000	(0.5 điểm)
NỢ TK 632	30.000.000	
CÓ TK 156	30.000.000	(0.5 điểm)
(4) NỢ TK 331	180.000.000	
CÓ TK 112	180.000.000	(0.5 điểm)

(4) NỢ TK 112	15.000.000	
	CÓ TK 711	15.000.000 (0.5 điểm)
(5) NỢ TK 642	5.000.000	(0.5 điểm)
	CÓ TK 331	5.000.000

Câu TL3:

Số dư một số tài khoản kế toán vào đầu tháng 10 năm N tại công ty TNHH XYZ như sau:

TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
Tiền mặt	120.000.000
Tiền gửi ngân hàng	850.000.000
Hàng hóa	50.000.000 (chi tiết 1.000 sản phẩm)
Phải trả người lao động	120.000.000
Phải thu khách hàng	150.000.000 (phải thu khách hàng A)

Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 10 năm N như sau:

- Ngày 1, chi tiền mặt 500.000 đồng mua 1 số văn phòng phẩm về dùng ngay trong tháng này tại cửa hàng.
- Ngày 8, chuyển khoản thanh toán hết tiền lương còn nợ người lao động.
- Ngày 18, bán 400 sản phẩm hàng hóa hiện có trong kho cho khách hàng P với giá bán 100.000 đồng/sản phẩm, thu ngay bằng tiền gửi ngân hàng.
- Ngày 26, công ty chuyển khoản 5.000.000 đồng trả cho nhà cung cấp do vi phạm hợp đồng.
- Ngày 31, kế toán tổng hợp tiền lương của nhân viên phát sinh trong tháng như sau: lương của bộ phận bán hàng 70.000.000 đồng, lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp 60.000.000 đồng. Tiền lương sẽ được thanh toán vào ngày 5 của tháng sau.

ĐÁP ÁN:

(1) NỢ TK 641	500.000	(0.5 điểm)
	CÓ TK 111	500.000
(2) NỢ TK 334	120.000.000	
	CÓ TK 112	120.000.000 (0.5 điểm)

(3) NỢ TK 112	40.000.000	
CÓ TK 511	40.000.000	(0.5 điểm)
NỢ TK 632	20.000.000	
CÓ TK 156	20.000.000	(0.5 điểm)
(4) NỢ TK 811	5.000.000	
CÓ TK 112	5.000.000	(0.5 điểm)
(5) NỢ TK 641	70.000.000	
Nợ TK 642	60.000.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 334	130.000.000	

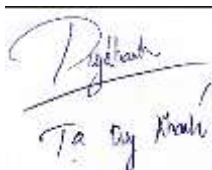
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ



Phan Minh Nguyệt

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ



ThS. Tạ Duy Khánh

ThS. Huỳnh Đăng Thành